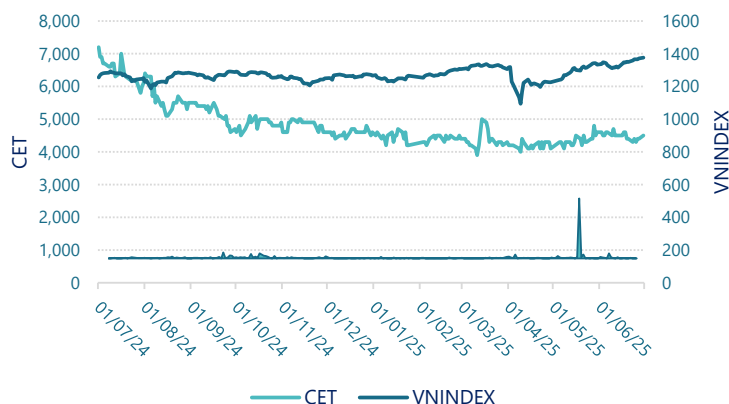


CTCP HTC Holding (HNX: CET)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,900
SL cổ phiếu LH	6,050,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,455
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	27
P/E	-835.4
EPS	-5

DT thuần

Q2/25

10.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.67 | 2246%

YoY: ▼28.9 | -74.1%

LN sau thuế

Q2/25

-0.08

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.12 | 62.4%

YoY: ▲ 0.03 | 31.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-0.7%

+/- YoY: ▼ 1.8%

DT thuần

6T 2025

10.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼74.7 | -87.7%

LN sau thuế

6T 2025

-0.27

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.10 | -57.0%

ROE

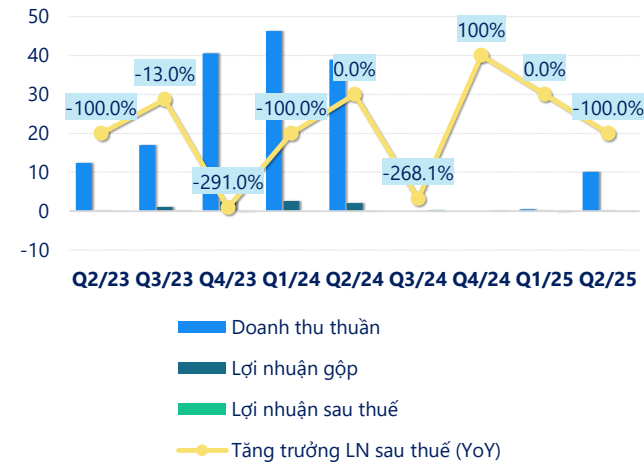
Q2/25

0.0%

+/- YoY: ▲ 0.5%

tỷ VNĐ

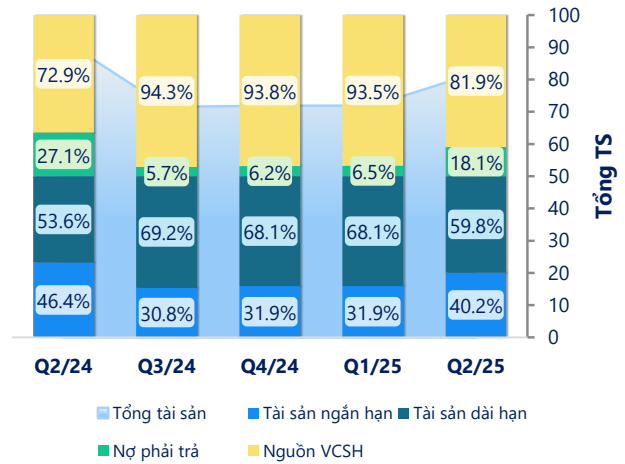
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

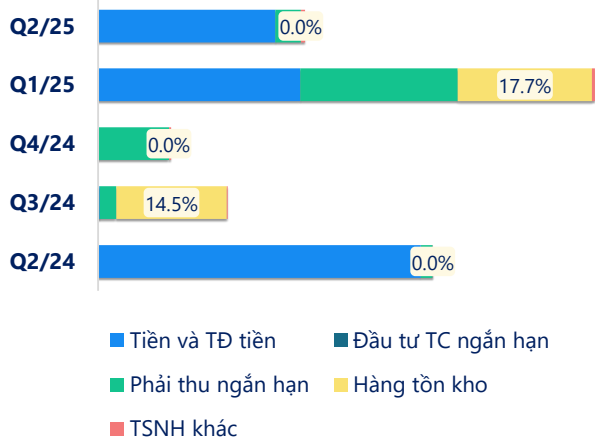
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



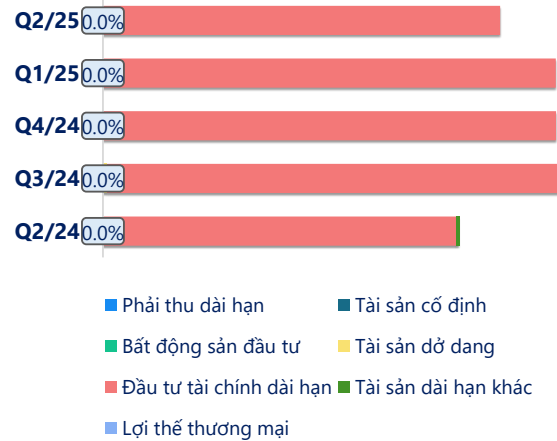
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

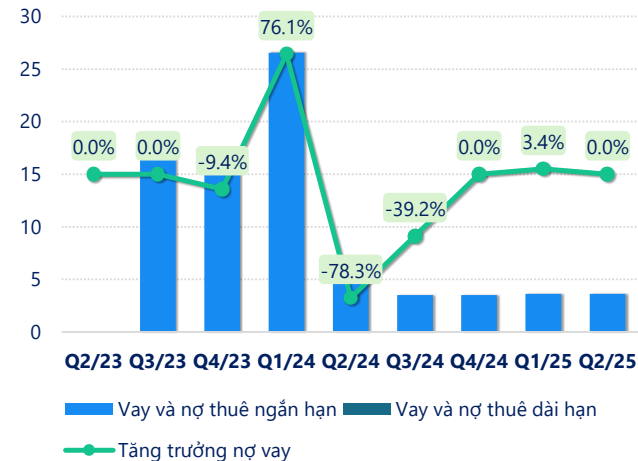
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

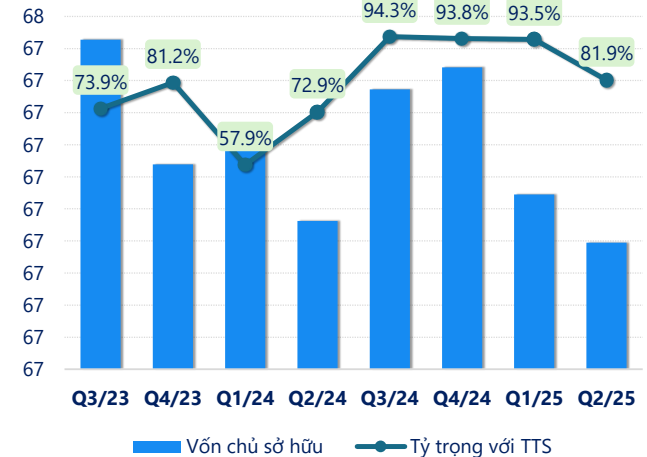
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

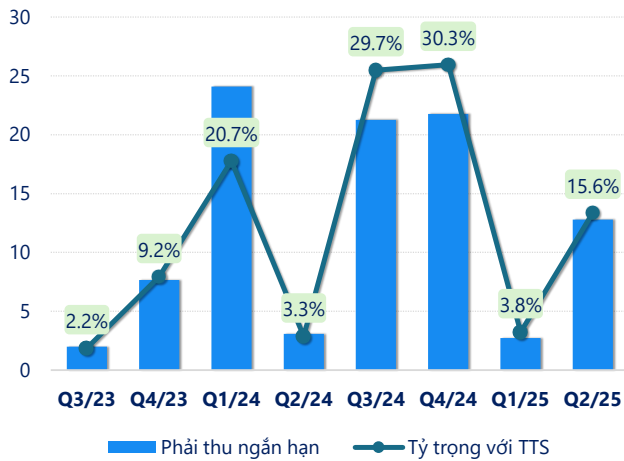
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



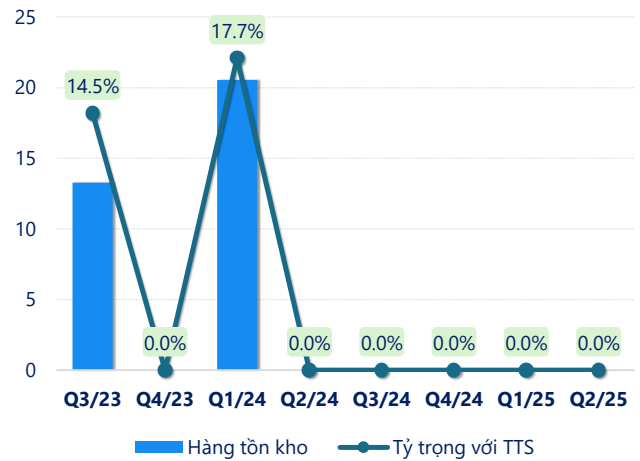
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


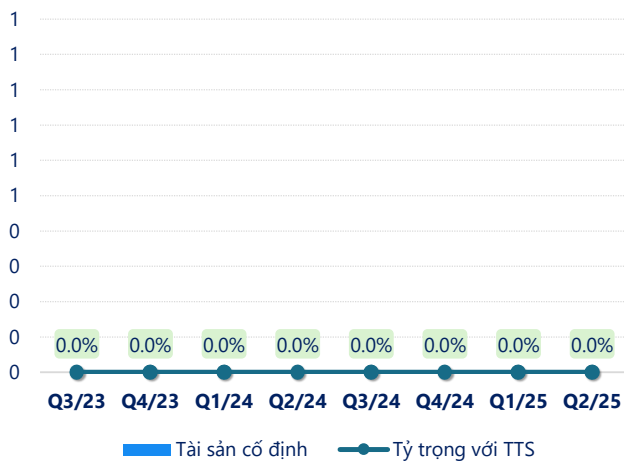
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


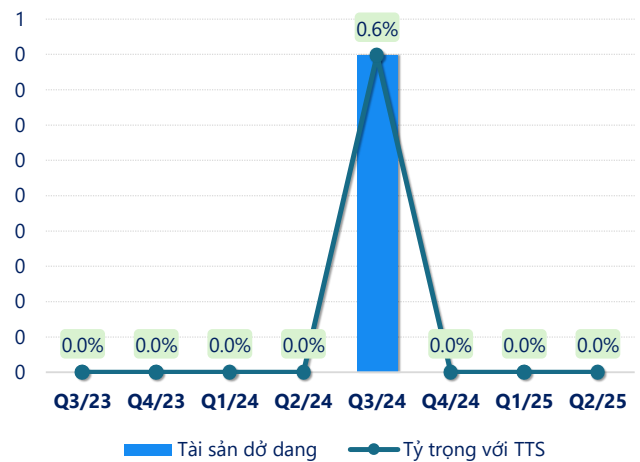
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

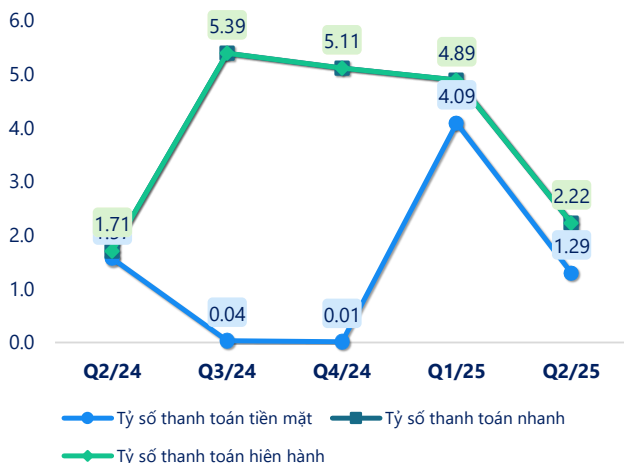
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

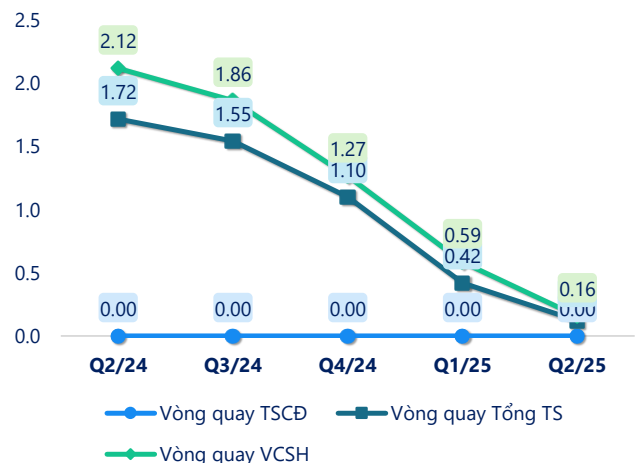
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	92.2	71.5	71.9	71.9	82.0
Tài sản ngắn hạn	42.8	22.0	22.9	22.9	33.0
Tiền và tương đương tiền	39.2	0.15	0.06	19.1	19.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	3.08	21.3	21.8	2.71	12.8
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	0.62	1.07	1.05	1.05
Tài sản dài hạn	49.4	49.4	49.0	49.0	49.0
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.45	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	49.0	49.0	49.0	49.0
Tài sản dài hạn khác	0.42	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	25.0	4.09	4.48	4.69	14.8
Nợ ngắn hạn	25.0	4.09	4.48	4.69	14.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.75	3.50	3.50	3.62	3.62
Phải trả người bán ngắn hạn	15.0	0.04	0.10	0.38	10.4
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	67.2	67.4	67.4	67.2	67.1
Vốn chủ sở hữu	67.2	67.4	67.4	67.2	67.1
Vốn điều lệ	60.5	60.5	60.5	60.5	60.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)